

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH số 184-CP ngày 2-10-1972
về thề lệ sát sinh trâu bò;

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Đề thực hiện tốt nghị quyết số 181-CP, ngày 17-9-1970 của Hội đồng Chính phủ về phát triển chăn nuôi trâu, bò;

Theo đề nghị của ông Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp trung ương về việc sửa đổi thề lệ sát sinh trâu, bò;

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 9-8-1972,

NGHỊ ĐỊNH

Chương I

MỤC ĐÍCH CỦA THỀ LỆ SÁT SINH TRÂU, BÒ

Điều 1. — Thề lệ sát sinh trâu, bò nhằm mục đích:

— Bảo vệ tốt trâu, bò, bê, nghé cái và đực giống làm cơ sở phát triển chăn nuôi, tăng thêm thịt sữa và bảo vệ tốt trâu, bò cày kéo để tăng thêm sức kéo phục vụ cho trồng trọt và vận chuyển;

— Khuyến khích phát triển chăn nuôi trâu, bò sinh sản, trâu bò cày kéo và trâu, bò lấy thịt, lấy sữa;

— Loại dần trâu, bò xấu, chọn lọc, cải tạo thành đàn trâu, bò tốt;

— Phòng ngừa dịch bệnh cho gia súc và bảo đảm vệ sinh thực phẩm cho nhân dân.

Chương II

LOẠI TRÂU, BÒ CẤM MỒ THỊT VÀ LOẠI TRÂU, BÒ ĐƯỢC MỒ THỊT

Điều 2. — Loại trâu, bò cấm mồ thịt: trâu, bò, bê, nghé cái, trâu đực, nghé đực, bò đực giống, bò cày kéo và bê đực không thuộc những loại nói ở điều 3 dưới đây.

Điều 3. — Loại trâu, bò được mồ thịt:

1. Bò đực sau 1 năm tuổi không được xếp vào loại làm giống, hoặc cày kéo.

2. Trâu, bò, bê, nghé bị thương tật, gầy yếu, còi cọc, sau khi đã tận tình cứu chữa, chăm sóc, nhưng xét không sống được hoặc sống cũng không dùng cày kéo, sinh sản, lấy sữa được;

3. Trâu cày kéo trên 12 tuổi, bò cày kéo trên 10 tuổi, không còn khả năng cày kéo;

4. Trâu cái trên 3 năm liền không đẻ, bò cái trên 2 năm liền không đẻ, xét không có khả năng sinh sản và cày kéo.

5. Trâu, bò đực giống, sau khi đã sử dụng 1 năm, xét không còn khả năng truyền giống và cày kéo.

Điều 4. — Một số vùng ở miền núi, được Ủy ban hành chính tỉnh công nhận là có tập quán ăn thịt trâu, được phép mồ thịt trâu đực, nghé đực không dùng làm giống, cày kéo và không nằm trong kế hoạch cung cấp cho đồng bằng.

Điều 5. — Các cơ quan y tế, thú y của trung ương và địa phương có thể xin phép mồ thịt một số loại trâu, bò, bê, nghé ngoài tiêu chuẩn quy định ở điều 3 để nghiên cứu, thí nghiệm và chế thuốc, nhưng không được giết con cái trừ trường hợp công trình thí nghiệm đó nhất thiết phải dùng con cái.

Chương III

THỦ TỤC VÀ THẨM QUYỀN CHO PHÉP MỒ THỊT TRÂU, BÒ

Điều 6. — Khi mồ thịt trâu, bò phải có cán bộ chăn nuôi, thú y xác nhận và Ủy ban hành chính các cấp sau đây cho phép:

1. Ủy ban hành chính xã, thị trấn cho phép mồ thịt các loại trâu, bò quy định ở các điểm 1, 2 trong điều 3 và điều 4; chậm nhất là 5 ngày sau khi giết mổ Ủy ban hành chính xã, thị trấn phải báo cáo cho Ủy ban hành chính huyện biết, Ủy ban hành chính huyện phải kiểm tra chặt chẽ việc cho mồ thịt trâu, bò của xã, thị trấn.

2. Ủy ban hành chính huyện hoặc cấp tương đương cho phép mồ thịt những loại trâu, bò nói ở các điểm 3, 4, 5 trong điều 3.

3. Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho phép mồ thịt loại trâu, bò nói ở điều 5.

Điều 7. — Tất cả trâu, bò được phép mồ thịt của hợp tác xã, nông trường, cơ quan, xí nghiệp, đơn vị vũ trang hoặc tư nhân đều phải mồ ở lò sát sinh; trường hợp ở xa lò sát sinh trên 3km thì có thể mồ thịt ở ngoài nhưng phải báo cho cán bộ thú y của xã hoặc huyện biết để kiểm soát thịt, phủ tạng và hướng dẫn tiêu độc nơi giết mổ.

09671971

www.thuvienhoquooc.com Tel: +84-8-3845 6684

LAWSOFT

Cấm mổ thịt trâu, bò bị bệnh dịch; cấm mổ thịt trâu bò ở nơi đang có dịch trâu, bò.

Cấm không được thui trâu, bò khi mổ thịt, phải giữ lại da để bán cho Nhà nước.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. — Hàng năm, khi làm thống kê chăn nuôi, Ủy ban Nông nghiệp các cấp và các cơ sở chăn nuôi phải tổ chức kiểm tra phân loại trâu, bò làm giống, sinh sản, cày kéo, lấy thịt, lấy sữa để giám sát chặt chẽ việc sử dụng và giết thịt.

Điều 9. — Đơn vị hoặc cá nhân nào mổ thịt trâu, bò trái phép tùy trường hợp sẽ bị phạt tiền từ 10 đồng đến 100 đồng, nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp đôi.

Người nào cố tình tạo ra những trường hợp làm cho trâu, bò thuộc loại cấm giết mổ, bị thương tật để mổ thịt hoặc lạm sát trâu, bò nhiều lần sẽ bị truy tố trước pháp luật.

Việc xử phạt do Ủy ban hành chính xã, thị trấn đề nghị, Ủy ban hành chính huyện, tỉnh hoặc cấp tương đương quyết định.

Điều 10. — Trong mọi trường hợp vi phạm, thịt trâu, bò mổ trái phép đều bị tịch thu. Tiền bán thịt nộp vào ngân sách xã. Tiền phạt nộp vào ngân sách Nhà nước.

Điều 11. — Kể từ nay, mọi việc giết mổ trâu, bò trong các cơ quan Nhà nước, các đơn vị vũ trang, các tổ chức xã hội và nhân dân đều phải tuân theo các quy định trong nghị định này.

Nghị định số 97-CP ngày 31-7-1961 và các văn bản trước đây quy định việc sát sinh trâu, bò đều bãi bỏ.

Điều 12. — Ông Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành nghị định này.

Hà-nội ngày 2 tháng 10 năm 1972

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

anh dũng kiên cường và tinh thần hy sinh vì cách mạng của toàn thể nhân dân ta, trong đó thương binh, bệnh binh là những người đã góp phần rất xứng đáng.

Đề tỏ lòng biết ơn thương binh, bệnh binh đã có công đối với Tổ quốc, đề động viên các chiến sĩ quyết tâm chiến đấu đánh thắng loạn toàn giặc Mỹ xâm lược, Đảng và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi đối với anh chị em. Thông tư số 51-TTg ngày 17-5-1965 của Hội đồng Chính phủ đã tổng kết những kinh nghiệm và vạch phương hướng và chính sách cơ bản về công tác thương binh, bệnh binh.

Nhìn chung trong những năm qua, các cấp, các ngành đã chú trọng thực hiện tốt những chính sách đó. Nhiều địa phương đã đưa công tác thương binh, bệnh binh vào nề nếp thường xuyên, thành phong trào quần chúng rộng rãi. Nhờ vậy mà đời sống anh chị em thương binh, bệnh binh đã chuyển ra ngoài quân đội dần dần được ổn định; anh chị em thương binh, bệnh binh đã tích cực tham gia sản xuất, công tác, nhiều người đã trở thành cốt cán trong các phong trào ở địa phương. Tuy nhiên, phong trào thực hiện chính sách đối với thương binh, bệnh binh chưa đều, còn một số ngành, một số địa phương chưa thực sự quán triệt đầy đủ ý nghĩa của các chính sách, chế độ của Đảng và Chính phủ đối với thương binh, bệnh binh, thậm chí có nơi đã không thi hành đầy đủ lại còn vi phạm các chính sách, chế độ đã có, làm ảnh hưởng không tốt đến tư tưởng và đời sống của anh chị em và làm cho nhân dân thắc mắc về việc chấp hành chính sách của Đảng, của Chính phủ. Mặt khác bản thân các chế độ, chính sách đã ban hành cũng chưa được bổ sung cho kịp với sự phát triển của tình hình; trách nhiệm của các ngành cũng chưa rõ ràng, nên việc chấp hành còn có những lúng túng và thiếu sót.

Vì vậy Hội đồng Chính phủ trong phiên họp của Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 23-6-1972, sau khi nghe Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ báo cáo, đã quyết định bổ sung một số vấn đề sau đây.

A. PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI THƯƠNG BINH, BỆNH BINH

Phương hướng đề giải quyết những vấn đề đối với thương binh, bệnh binh như đã ghi trong thông tư số 51-TTg ngày 17-5-1965 của Hội đồng Chính phủ, đến nay vẫn còn đúng đắn và thích hợp. Nội dung cơ bản của phương hướng ấy là phục hồi nhanh chóng sức khỏe và khả năng lao động của anh, chị em thương

NGHỊ QUYẾT số 196-CP ngày 16-10-1972 về việc bổ sung chính sách đối với thương binh, bệnh binh.

Sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã thu được những thắng lợi vô cùng to lớn và vẻ vang. Đó là kết quả của sự chiến đấu